

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	1
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT.....	3
DANH MỤC CÁC BẢNG	4
Chương I	5
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	5
1. Tên chủ cơ sở:	5
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở:	7
3.1. Công suất của cơ sở:	7
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:.....	7
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở đầu tư:	11
4.1. Nguyên nhiên liệu, vật liệu:	11
4.2. Máy móc thiết bị phục vụ sản xuất:	12
Chương II.....	13
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH,.....	13
KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	13
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:.....	13
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường:	13
Chương III.....	14
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ	14
MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	14
3.1. Thu gom và thoát nước mưa:	14
3.2. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải:	14
3.3. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:.....	16
3.4. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:.....	16
3.5. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:	17

3.6. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:	18
3.7. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:	18
Chương IV.....	20
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	20
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:.....	20
4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải:	20
4.1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa:.....	20
4.1.3. Dòng nước thải:.....	20
4.1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm:	20
4.1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:.....	21
Chương V	22
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	22
Chương VI.....	24
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	24
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở đầu tư:	24
6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:	24
6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:.....	24
6.2. Chương trình quan trắc môi trường.	25
Chương trình quan trắc môi trường giai đoạn hoạt động:	25
Chương VII	26
Chương VIII.....	27
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	27

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD	: Nhu cầu ôxi sinh hóa.
BTNMT	: Bộ Tài nguyên và Môi trường.
COD	: Nhu cầu ôxi hóa học.
GPMT	: Giấy phép môi trường.
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy.
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam.
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn.
TT	: Thông tư.
UBND	: Ủy ban nhân dân.

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1: Tọa độ vị trí thực hiện cơ sở.....	6
Bảng 2: Số lượng nguyên vật liệu sử dụng trong một năm tại cơ sở như sau	11
Bảng 3: Máy móc thiết bị.....	12
Bảng 4: Thành phần và lượng thải của chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở	17
Bảng 5: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn.....	20
Bảng 6: Kế hoạch vận hành thử nghiệm	24
Bảng 7: Dự kiến thời gian lấy mẫu	24
Bảng 8: Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu	25

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1. Vị trí cơ sở.....	5
Hình 2. Sơ đồ thu gom các nguồn nước thải	14
Hình 3. Sơ đồ bể tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt	15
Hình 4. Bể 03 ngăn xử lý nước thải sản xuất.....	16
Hình 5. Sơ đồ thu gom, xử lý chất thải rắn.....	16

Chương I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở:

- Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ Ba Mọi,.
- Địa chỉ văn phòng: Thôn Hiệp Hòa, xã Phước Thuận, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đại Vệ Chức danh: Giám đốc
- Điện thoại: 0913.978.721;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4500235374 đăng ký lần đầu ngày 7/3/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 22/2/2023 của phòng Đăng ký kinh doanh
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận.

2. Tên cơ sở:

- Tên cơ sở: Cơ sở Sản xuất các loại rượu từ Nho, Táo và chế biến các sản phẩm từ Nho, Táo và các loại trái cây
- Địa điểm cơ sở: Tại thửa đất số 102, tờ bản đồ 02, Thôn Hiệp Hòa, xã Phước Thuận, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.



Hình 1. Vị trí cơ sở

Từ cận tiếp giáp của cơ sở như sau:

Chủ cơ sở: Công ty TNHH TMDV Ba Mọi

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường: Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ Ba Mọi.

- Phía Đông: Tiếp giáp nhà dân và vườn cây trồng;
- Phía Tây: Tiếp giáp nhà dân và vườn cây trồng;
- Phía Nam: Tiếp giáp đường đi và ruộng lúa;
- Phía Bắc: Vườn nho tham quan của Công ty.

Bảng 1: Tọa độ vị trí thực hiện cơ sở

Số hiệu mốc	Tọa độ (VN 2000)	
	X (m)	Y (m)
A	1281414,04	576856,63
B	1281399,52	576896,26
C	1281490,38	576930,47
D	128150,74	576894,91

- Quy mô của cơ sở:

Tổng mức đầu tư: 2000.000.000 đồng. (bằng chữ: Hai tỷ đồng).

Cơ sở có Quy mô thuộc nhóm C theo quy định tại khoản 4 Điều 10 của Luật đầu tư công. Quy mô Cơ sở thuộc mục số 02 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Quy mô xây dựng chi tiết của cơ sở như sau:

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 352556 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 11/8/2017: Thửa đất số 102 tờ bản đồ số 2 có tổng diện tích là 3.491 m² trong đó đất ở tại nông thôn là 550 m² (Nhà ở kết hợp văn phòng kinh doanh được xây dựng với diện tích 178,6 m²); đất trồng cây lâu năm là 2.941 m².

- Các hạng mục công trình của cơ sở:

+ Hạng mục công trình chính:

Stt	Hạng mục	Đơn vị	Diện tích (m ²)	Vật liệu
1	Nhà làm việc, khu bán hàng	m ²	124,5	Gạch
2	Khu chế biến sản phẩm	m ²	120,78	Gạch
3	Hầm ủ rượu	m ²	120,78	Gạch
Tổng		m²	366,06	

+ Hạng mục công trình phụ trợ:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường: Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ Ba Mọi.

Stt	Hạng mục	Đơn vị	Kích thước (m ²)	Vật liệu
1	Kho vật tư, kho chứa rác thải.	m ²	37,8	Gạch
2	Nhà ở	m ²	122	
3	Khu trình diễn cho khách tham quan	m ²	182	Gạch
4	Sân đường	m ²	100	Bê tông
Tổng		m²	441,8	

+ Hạng mục công trình bảo vệ môi trường:

Stt	Hạng mục	Đơn vị	Kích thước (m ²)	Vật liệu
1	Nhà vệ sinh	m ²	132	Gạch
2	kho chứa rác thải tái chế	m ²	9	
3	Kho chứa CTNH	m ²	4,5	
Tổng		m²	155,5	

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở:

3.1. Công suất của cơ sở:

- Rượu các loại khoảng 6000 lít/năm.

Trong đó: Rượu Cognac khoảng 2.400 lít/năm; Rượu vang khoảng 2.400 lít/năm; Rượu Brandy khoảng 600 lít/năm; các loại rượu nhẹ khác khoảng 600 lít/năm.

- Trái cây sấy các loại khoảng: 3 tấn/năm.

Trong đó: Nho sấy khoảng 500 kg/năm; Táo sấy khoảng 1500 kg/năm; Chuối sấy khoảng 1000 kg/năm.

- Siro khoảng 4.500-5.500 lít/năm.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

a. Sơ đồ quy trình sản xuất các loại rượu như sau: Nguyên liệu chính của quá trình sản xuất các loại rượu là Nho đỏ.

* Quy trình sản xuất vang đỏ:

Chọn lựa, rửa nguyên liệu: Nho tươi sau khi đã chọn, loại bỏ các trái bị hư hỏng, dùng sọt nhựa chứa nho cho vào nước sạch rửa kỹ để loại bỏ bụi bẩn và các vi sinh vật bề mặt, rửa xong để khô nước.

Ép nghiền: Cho nho tươi vào máy ép nghiền đến một kích thước nhất định để dễ dàng tách dịch quả ra khỏi bã trong các giai đoạn sau, tiếp đó cho vào vại sành.

Lọc, phối chế: Lọc bã, dịch nho điều chỉnh có độ đường ban đầu từ 20-23⁰.

Thanh trùng: Thanh trùng và kết hợp với chất bảo quản lên men với nhiệt độ thích hợp, bổ sung dinh dưỡng cho men phát triển tốt.

Lên men 1: Men sẽ phân giải đường Glucoz thành etanol và CO₂, sau thời gian lên men rộ ta có vang non.

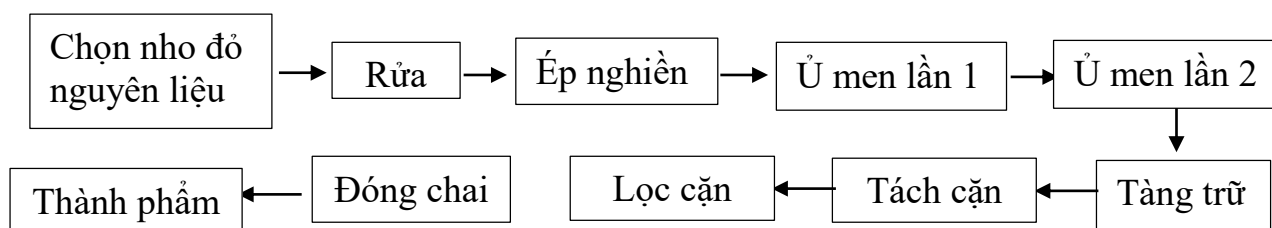
Lắng lọc: Sau khi kết thúc quá trình lên men, lọc sơ bộ dùng ống xiphông chuyển vang non sang vại sành khác đậy kín.

Lên men 2: Cho phụ gia điều chỉnh thích hợp, tiếp tục cho lên men thâm lạng.

Lắng lọc: Sau giai đoạn lên men 2 kết thúc, vang nho được xử lý qua máy lọc đa tầng để loại cặn bã.

Tàng trữ: Sau khi lọc xong cho vào bồn chứa và tàng trữ.

Thành phẩm: Khi vang nho chín kiểm tra, đóng chai và xuất xưởng.



* Quy trình sản xuất Rượu Cognac:

Vang nho: Nho tươi ép lấy nước ủ lên men thời gian từ 10 – 15 ngày. Sau đó lọc lấy nước không có xác nho, lên men trong thời gian khoảng 6 tháng.

Chưng cất: Chưng cất với thiết bị chuyên dùng (lấy nước đã lên men đổ vào thiết bị đun nóng lên cho rượu bốc hơi, hơi rượu được cho chạy qua một hệ thống ống xoắn ngâm trong một thùng nước lạnh, hơi rượu gặp lạnh thì đọng lại thành giọt và chảy vào một bình chứa). Độ rượu lúc này là 80 – 90°.

Phối chế: Lấy rượu đã chưng cất phối trộn với nước cất (nước đun sôi 100°C đã để nguội) giảm độ rượu xuống còn 30 - 32° để phù hợp với tiêu chuẩn công bố.

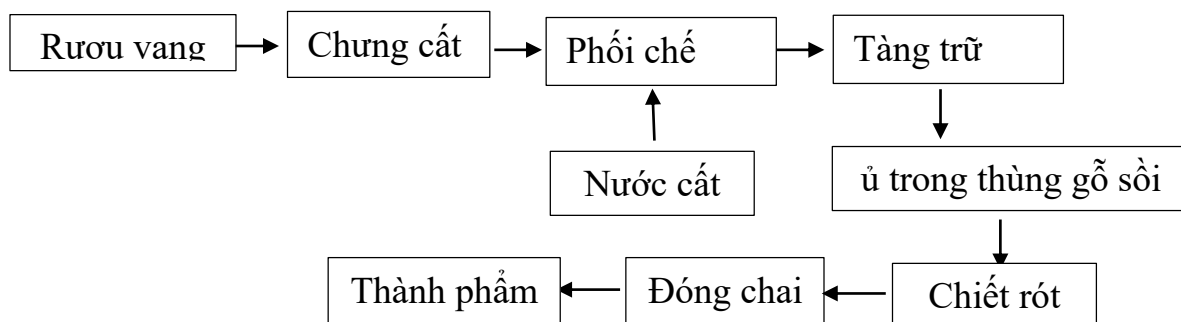
Tàng trữ: Rượu sau khi phối sẽ ủ trong bồn inox trong vòng 6 tháng để ổn định độ rượu. Nhiệt độ từ 20 - 25°.

Ủ trong thùng gỗ sồi: Tiếp tục chuyển qua thùng gỗ sồi từ 6 tháng đến 12 tháng.

Chiết rót: Thanh trùng chai thủy tinh bằng thiết bị thanh trùng, sau đó qua máy chiết rót rượu ra chai.

Đóng chai: Chai có thể tích 350 ml/ chai – 500 ml/chai, đóng nút và dán nhãn mác.

Thành phẩm: Rượu có màu vàng, nồng độ 31%, có vị cay nồng.



*** Quy trình sản xuất rượu Brandy:**

Vang nho: Nho tươi ép lấy nước ủ lên men thời gian từ 10 – 15 ngày. Sau đó lọc lấy nước không có xác nho, lên men trong thời gian khoảng 6 tháng.

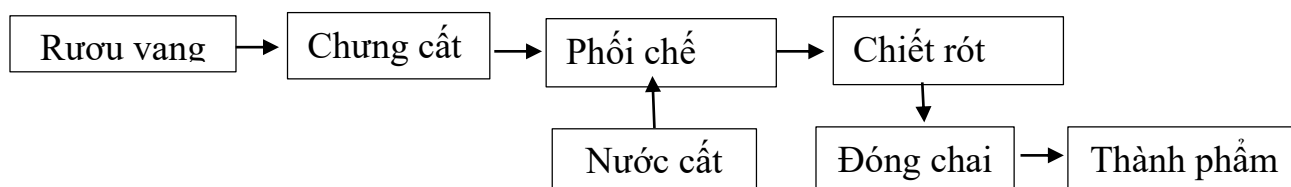
Chung Cất: Chung cất với thiết bị chuyên dùng (lấy nước đã lên men đổ vào thiết bị đun nóng lên cho rượu bốc hơi, hơi rượu được cho chạy qua một hệ thống ống xoắn ngâm trong một thùng nước lạnh, hơi rượu gặp lạnh thì đọng lại thành giọt và chảy vào một bình chứa). Độ rượu lúc này là 80 – 90°.

Phối chế: Lấy rượu đã chung cất phối trộn với nước cất (nước đun sôi 100°C đã để nguội) giảm độ rượu xuống còn 30 - 32° để phù hợp với tiêu chuẩn công bố.

Chiết rót: Thanh trùng chai thủy tinh bằng thiết bị thanh trùng, sau đó qua máy chiết rót rượu ra chai.

Đóng chai: Chai có thể tích 350 ml/ chai – 500 ml/chai, đóng nút và dán nhãn mác.

Thành phẩm: Rượu có màu trắng



*** Các loại rượu nhẹ khác chỉ là quá trình lên men nho có độ cồn thấp.**

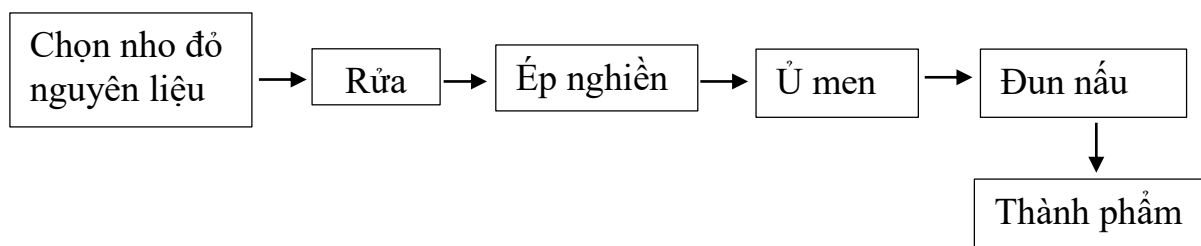
*** Quy trình sản xuất siro:**

Chọn lựa, rửa nguyên liệu: Nho tươi sau khi đã chọn, loại bỏ các trái bị hư hỏng, dùng sọt nhựa chứa nho cho vào nước sạch rửa kỹ để loại bỏ bụi bẩn và các vi sinh vật bề mặt, rửa xong để khô nước.

Ép nghiền: Cho nho tươi vào máy ép nghiền đến một kích thước nhất định để dễ dàng tách dịch quả ra khỏi bã trong các giai đoạn sau, tiếp đó cho vào vại sành và thêm đường vào sau đó qua bước lên men.

Lên men: Men sẽ phân giải đường Glucoz thành etanol và CO₂, sau thời gian lên men sẽ đưa đi nấu keo lại.

Đun nấu: Quá trình đun nấu để có sản phẩm cuối cùng là siro.



b. Quy trình sản xuất các loại trái cây sấy như sau: Các loại trái cây sấy như nho, táo, chuối...

*** Quy trình sấy chuối như sau:**

Nguyên liệu: Chuối tươi thu hái tại vườn.

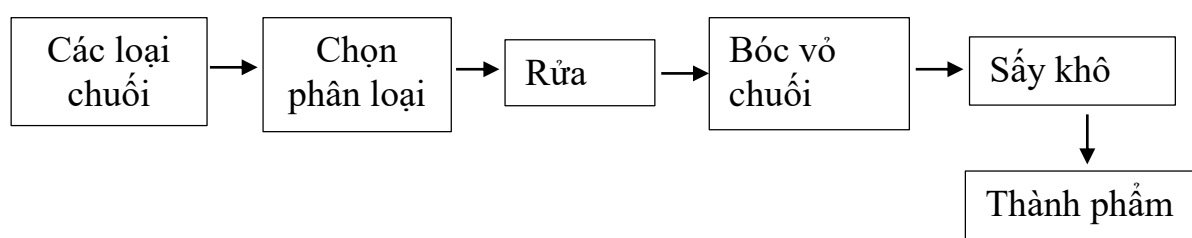
Phân loại: Chuối tươi sau khi thu hái sẽ được loại bỏ các trái bị hư hỏng hoặc những trái không đạt yêu cầu về chất lượng.

Rửa: Chuối sau khi được phân loại sẽ đem đi rửa bằng dung dịch Fuji để loại bỏ bụi bẩn và các vi sinh vật bề mặt.

Xử lý bỏ vỏ: Chuối tẩy rửa xong sẽ được cắt đầu, bóc vỏ bên ngoài để chuẩn bị sấy.

Sấy khô: Sau khi xử lý vỏ chuối xong sẽ đem đi sấy với nhiệt độ 80°C trong thời gian 4 giờ.

Thành phẩm: Chuối sau khi được sấy khô để nguội, kiểm tra và đóng gói vào túi nhựa sau đó dán nhãn, in hạn sử dụng và đưa vào kho bảo quản.



*** Quy trình sấy Táo, Nho như sau:**

Nguyên liệu: Táo, nho tươi được thu hái tại vườn.

Phân loại: Táo, nho sau khi thu hái sẽ được loại bỏ các trái bị hư hỏng hoặc những trái không đạt yêu cầu về chất lượng.

Rửa: Táo, nho sau khi được phân loại sẽ đem đi rửa bằng dung dịch Fuji để loại bỏ bụi bẩn và các vi sinh vật bề mặt.

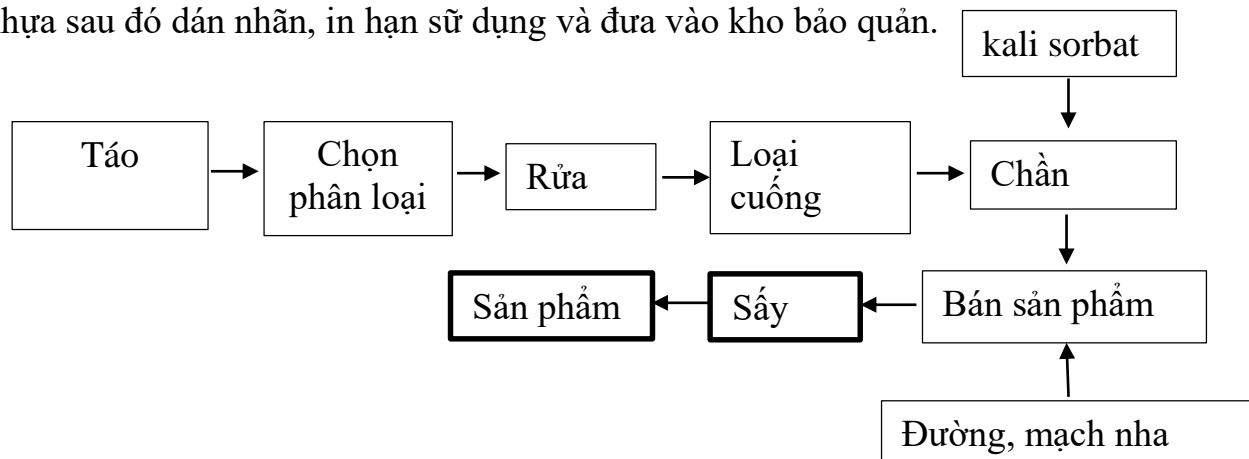
Loại cuống: Táo, nho sau khi tẩy rửa xong sẽ được loại cuống để chuẩn bị chần.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường: Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ Ba Mọi.

Chần: Táo, nho sau khi loại cuống được đem đi chần với kali sorbat nhằm tạo cho sản phẩm có màu sắc tốt không bị biến màu. Sau đó cho Thêm đường và mạch nha vào lượng táo mới chần xong.

Sấy khô: Sau khi cho đường và mạch nha thấm thấu xong sẽ đem đi sấy với nhiệt độ 80°C trong thời gian 3 giờ.

Thành phẩm: Táo, nho sau khi được sấy khô để nguội, kiểm tra và đóng gói nhựa sau đó dán nhãn, in hạn sử dụng và đưa vào kho bảo quản.



3.3. Sản phẩm của cơ sở:

- Rượu các loại khoảng 6000 lít/năm.

Trong đó: Rượu Cognac khoảng 2.400 lít/năm; Rượu vang khoảng 2.400 lít/năm; Rượu Brandy khoảng 600 lít/năm; các loại rượu nhẹ khác khoảng 600 lít/năm.

- Trái cây sấy các loại khoảng: 3 tấn/năm.

Trong đó: Nho sấy khoảng 500 kg/năm; Táo sấy khoảng 1500 kg/năm; Chuối sấy khoảng 1000 kg/năm.

- Siro khoảng 4.500-5.500 lít/năm.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở đầu tư:

4.1. Nguyên nhiên liệu, vật liệu:

Bảng 2: Số lượng nguyên vật liệu sử dụng trong một năm tại cơ sở như sau

Stt	Định mức/đợt nuôi	Số lượng
1	Nho tươi	30 tấn/năm
2	Táo tươi	10 tấn/năm
3	Chuối	10 tấn/năm
4	Khối lượng bao bì đóng gói	40kg/năm
5	Chai thủy tinh 400ml	1000 chai/năm

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường: Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ Ba Mọi.

- Nhu cầu nước cấp: bao gồm nước sinh hoạt và nước sản xuất.

+ Nước cấp sinh hoạt: Trung bình mỗi ngày lượng khách đến tham quan tại cơ sở khoảng 100 người. Công nhân lao động tại cơ sở khoảng 10 người. Công nhân là người địa phương nên chỉ đến làm việc và về không ở lại tại cơ sở.

+ Nước cấp sản xuất: Bao gồm nước cấp rửa trái cây trước khi làm rượu, sấy, nước vệ sinh nhà xưởng, chai lọ...

Theo hóa đơn sử dụng nước tại cơ sở trong 3 tháng gần nhất từ tháng 4/2024, tháng 5/2024, tháng 6/2024 cho thấy trung bình mỗi tháng cơ sở sử dụng khoảng 49 m³/tháng tương đương mỗi ngày dùng khoảng 1,6 m³/ngày.

+ Nguồn cung cấp nước: Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận.

- Nhu cầu cấp điện:

+ Tổng nhu cầu về điện là: 9.071 kWh/tháng.

+ Nguồn cung cấp: Công ty điện lực Ninh Thuận

4.2. Máy móc thiết bị phục vụ sản xuất:

Bảng 3: Máy móc thiết bị

Stt	Hạng mục	Số lượng	Đặc điểm, công suất
1	Máy sấy	7	2 Hp
2	Nồi đun	02	100 lít
3	Băng chuyền rửa trái cây	01	01 tấn/h
4	Máy tách cuống	01	2 kW
5	Máy ép nghiền	2	150 KVA
6	Lò hơi	01	655 lít
7	Thùng inox	56	1000 lít
8	Thùng inox	16	200 lít
9	Máy thanh trùng	01	100 lít
10	Thùng gỗ sồi	62	50 lít
11	Máy hút chân không	01	-

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:

Cơ sở hoàn toàn phù hợp với Phê duyệt quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số Quyết định số 1319/QĐ-TTg ngày 10/11/2023.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường:

Trong quá trình hoạt động Cơ sở chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất, chất thải nguy hại.

+ Đối với nước thải:

Nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở được Chủ cơ sở thu gom xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn. Nước thải sau xử lý được bơm ra tận dụng trong khuôn viên cơ sở.

Nước thải sản xuất phát sinh tại cơ sở được Chủ cơ sở thu gom xử lý sơ bộ bằng các bể lắng sau đó bơm ra tận dụng trong khuôn viên cơ sở.

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn sản xuất được đội vệ sinh của xã Phước Thuận thu gom và chuyển cho Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Sản xuất Nam Thành Ninh Thuận có Nhà máy xử lý rác thải tại thôn Kiên Kiên, xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận để vận chuyển, xử lý.

+ Đối với chất thải nguy hại thì được thu gom, lưu chứa tạm thời trong kho chứa chất thải nguy hại và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

Do đó, đối với những tác động phát sinh từ quá trình thực hiện Cơ sở và đề xuất các biện pháp giảm thiểu nêu trên thì Cơ sở này cơ bản phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường.

Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Thu gom và thoát nước mưa:

Bề mặt sân đường nội bộ tại cơ sở chủ yếu là nền bê tông nên nước mưa chảy tràn trên toàn bộ bề mặt sẽ chảy theo địa hình thu gom vào các mương thoát nước mưa và chảy về ao chứa nước nằm trong khuôn viên của cơ sở. Từ trước đến nay chưa xảy ra tình trạng ngập úng cục bộ tại khu vực cơ sở.

3.2. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải:

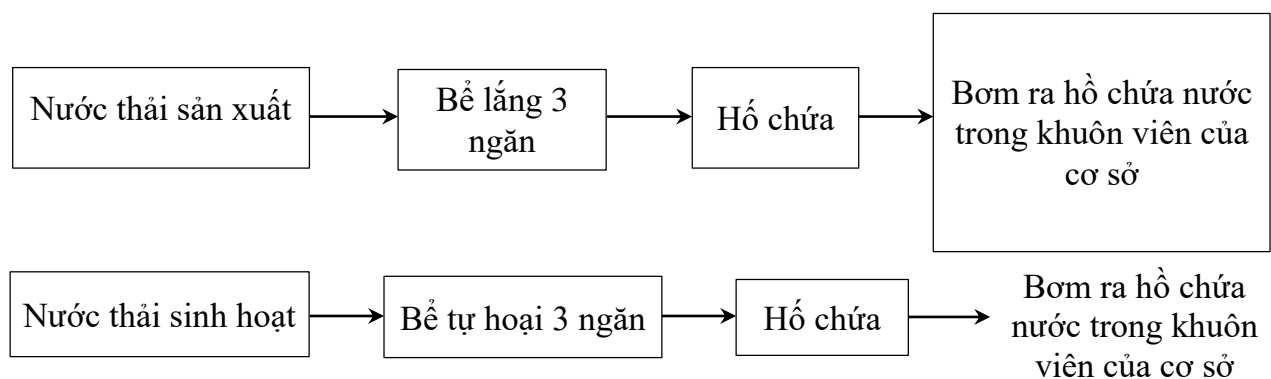
Nước thải phát sinh của cơ sở chủ yếu là nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất. Với tổng lượng thải 1,6 m³/ngày, trong đó: nước thải sinh hoạt là 0,6 m³/ngày; nước thải sản xuất là 1 m³/ngày.

- Nước thải của cơ sở được tách làm 2 nguồn phát sinh để thuận tiện cho việc áp dụng các biện pháp thu gom, xử lý sơ bộ trước khi đưa về hồ thu gom chung của khu vực và tiếp theo là hệ thống xử lý tập trung. Hai nguồn nước thải cụ thể là:

- + Nước thải sinh hoạt tại nhà vệ sinh.
- + Nước thải sản xuất, vệ dụng cụ, sàn nhà.

Chi tiết quy trình thu gom xử lý như sau:

Sơ đồ quy trình thu gom các nguồn nước thải:

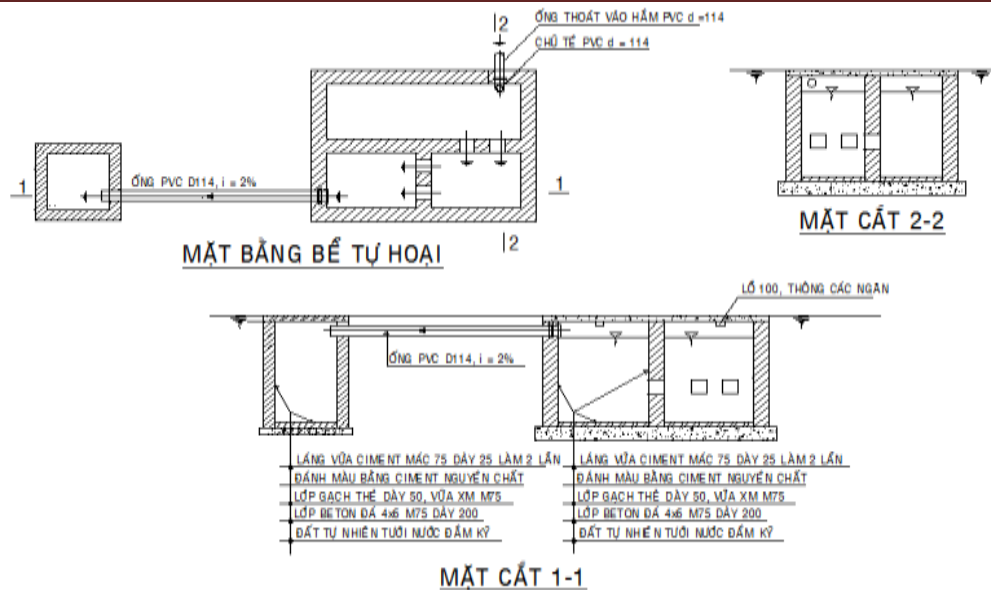


Hình 2. Sơ đồ thu gom các nguồn nước thải

* Thu gom xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh bằng bể tự hoại:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, thể tích xây dựng bể $V = 5 \text{ m}^3$; kích thước xây dựng: $B \times L \times H = (2,5 \times 1,8 \times 1,5) \text{ m}$. Số lượng bể tự hoại là 01 bể tại nhà vệ sinh tập trung của cơ sở.

Nước thải sinh hoạt sau xử lý được cho qua hồ chứa có kích thước 1,2 m x 1,2 m x 1,6 m. Nước thải sau xử lý được bơm ra tận dụng trong khuôn viên cơ sở.



Hình 3. Sơ đồ bể tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt

Nguyên tắc: Nước thải được đưa vào ngăn thứ nhất của bể, có vai trò làm ngăn lắng lên men kỵ khí, đồng thời điều hoà lưu lượng và nồng độ chất bẩn trong dòng nước thải. Nhờ các vách ngăn hướng dòng, ở những ngăn tiếp theo, nước thải chuyển động theo chiều dưới lên trên, tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí trong lớp bùn hình thành ở đáy bể trong điều kiện động, các chất hữu cơ được các vi sinh vật hấp thụ và chuyển hoá, làm nguồn dinh dưỡng cho sự phát triển của chúng. Cũng nhờ có các ngăn này, công trình trở thành một dãy bể phản ứng kỵ khí được bố trí nối tiếp, cho phép tách riêng 2 pha (lên men axit và lên men kiềm). Quần thể vi sinh vật trong từng ngăn sẽ khác nhau và có điều kiện phát triển thuận lợi. Ở những ngăn đầu, các vi khuẩn tạo axit sẽ chiếm ưu thế, trong khi ở những ngăn sau, các vi khuẩn tạo metan sẽ là chủ yếu.

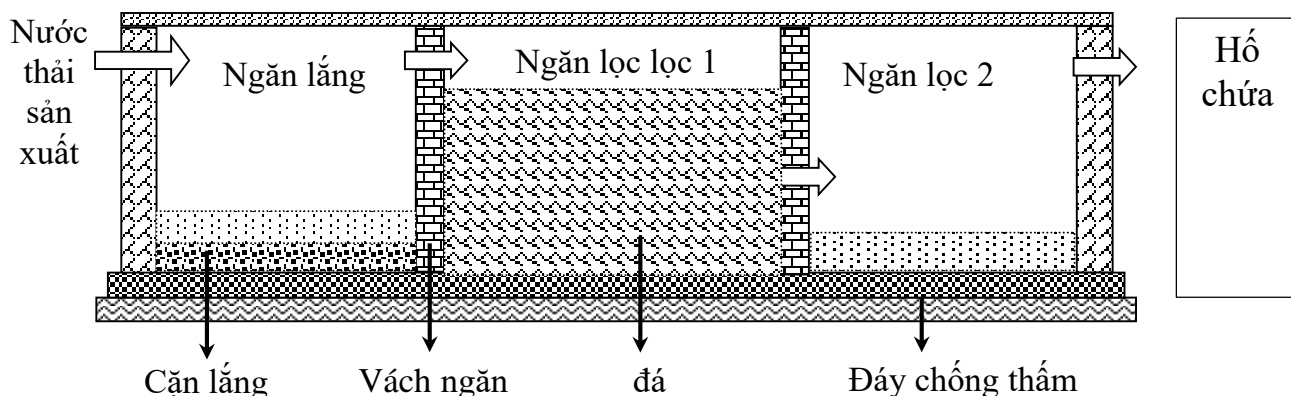
Bể tự hoại là công trình đồng thời làm hai chức năng gồm: lắng và phân huỷ cặn lắng. Cặn lắng được giữ lại trong bể từ 6 - 8 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ sẽ bị phân huỷ từ từ. Các số liệu thống kê thực tế cho thấy mỗi người cần khoảng 0,2 - 0,3 m³ bể tự hoại.

Vật liệu xây dựng bể tự hoại: Bể tự hoại 03 ngăn có kết cấu bê tông cốt thép, tô trát vữa xi măng xây dựng toàn bộ đáy và thành hồ, mặt trên được đập bằng tấm đan đúc bê tông cốt thép.

*** Thu gom xử lý sơ bộ nước thải sản xuất bằng bể lắng lọc:**

Toàn bộ nước thải phát sinh tại khu sản xuất, vệ sinh chai lọ, vệ sinh sàn được đưa ra bể thu gom và xử lý sơ bộ 03 ngăn, xây bằng gạch xi măng, có nắp đan đặt âm dưới đất, đáy chống thấm. Thể tích bể: $V = 12,6 \text{ m}^3$, kích thước bể $B \times L \times H = (4,5 \times 2 \times 1,5) \text{ m}$, kích thước các ngăn: ngăn lắng $(1,5 \times 2 \times 1,4) \text{ m}$, kết cấu bằng gạch và xi măng, thời gian lưu chứa khoảng 20 phút; ngăn lọc 1 $(1,5 \times 2 \times 1,4) \text{ m}$ kết cấu bằng gạch và xi măng, có lớp đá mi để tăng hiệu quả lọc, thời gian lưu chứa khoảng 35 phút, ngăn lọc 2 $(1,5 \times 2 \times 1,4) \text{ m}$, kết cấu bằng gạch và xi măng, thời gian lưu chứa khoảng 20 phút.

Nước thải sản xuất sau khi được xử lý sẽ được dẫn ra hố chứa, khi đầy sẽ được bơm ra tận dụng trong khuôn viên cơ sở.



Hình 4. Bể 03 ngăn xử lý nước thải sản xuất.

3.3. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

Trong khuôn viên dự án có phát sinh bụi, khí thải từ hoạt động của xe máy, xe tải chở hàng, tuy nhiên lượng thải rất ít vì số lượng xe không nhiều. Ngoài ra, đường trong khuôn viên dự án là đường bê tông nên bụi phát sinh càng ít.

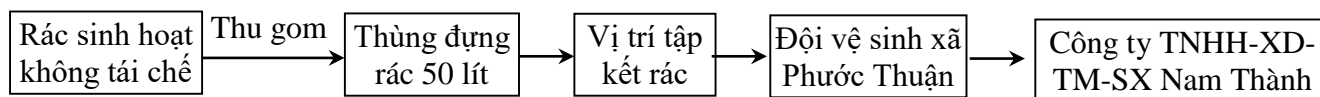
3.4. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

a. Chất thải rắn sinh hoạt:

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại cơ sở: 10 người công nhân x 0,9 kg/người/ngày = 9,3 kg/ngày; chất thải của 100 người khách tham quan khoảng 10 kg/ngày.

- Chất thải rắn có thể tái chế sẽ được nhân viên vệ sinh tập trung vào 01 thùng chứa nhựa, dung tích 120 lít có nắp đậy và định kỳ bán phế liệu.

- Chất thải rắn không tái chế được nhân viên vệ sinh thu gom từ các thùng chứa 20 lít nhỏ tại các khu vực của Cơ sở sau đó chứa vào 1 thùng chứa rác chung, dung tích 50 lít/thùng đặt tại góc sân của cơ sở. Định kỳ hằng ngày, nhân viên vệ sinh sẽ chuyển giao cho đội vệ sinh xã Phước Thuận thu gom và được Công ty TNHH-XD-TM-SX Nam Thành vận chuyển về nhà máy để xử lý.



Hình 5. Sơ đồ thu gom, xử lý chất thải rắn.

b. Chất thải rắn sản xuất:

Khối lượng chất thải rắn sản xuất từ vỏ chuối, nho, táo, bị loại bỏ khoảng 5 kg/ngày

Chất thải này được thu gom vào các túi ni long và Định kỳ hằng ngày, nhân viên vệ sinh sẽ chuyển giao cho đội vệ sinh xã Phước Thuận thu gom và được Công ty TNHH-XD-TM-SX Nam Thành vận chuyển về nhà máy để xử lý.

3.5. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

- Chất thải nguy hại phát sinh tại Cơ sở chủ yếu là hộp mực in hư hỏng, pin thải, bóng đèn huỳnh quang ... với số lượng thải ra ít và không thường xuyên. Thành phần và lượng thải của chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở, được dự báo như sau:

Bảng 4: Thành phần và lượng thải của chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở

Stt	Tên chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
01	Hộp mực in	Rắn	1,5 kg	08 02 04
02	Pin phế thải	Rắn	0,2 kg	19 06 01
03	Bóng đèn huỳnh quang hỏng	Rắn	0,5 kg	16 01 06
Tổng cộng			2,2 kg	

Ghi chú: Mã CTNH phân loại theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Căn cứ điểm a, khoản 6, điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, quy định: Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại (không bắt buộc phải xây dựng dưới dạng kho) phải đáp ứng các yêu cầu sau: mặt sàn trong khu vực lưu giữ chất thải nguy hại bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải nguy hại....

Tuy nhiên, toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh từ cơ sở sẽ được thu gom vào 01 thùng chứa chất thải nguy hại riêng biệt, có nắp đậy, thể tích 120 lít/thùng. Thùng này được đặt tại 1 nhà kho trong cơ sở. Cơ sở sẽ lưu giữ và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến thu gom, vận chuyển xử lý và báo cáo quản lý CTNH gửi về các đơn vị quản lý theo quy định.

- Chủ cơ sở cam kết thực hiện việc thu gom, lưu trữ, vận chuyển, xử lý theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường.



Hình ảnh kho chứa CTNH tại cơ sở.

3.6. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Tất cả các máy móc, thiết bị đưa vào sử dụng phải đạt tiêu chuẩn kỹ thuật quy định của Cục Đăng kiểm về mức độ an toàn và tiếng ồn, độ rung. Không cho phép sử dụng các máy móc, thiết bị có độ ồn cao làm ảnh hưởng đến môi trường.

- Đối với tiếng ồn, độ ồn từ máy phát điện dự phòng và máy thổi khí của nhà xưởng được hạn chế bằng cách đặt trong phòng kín cách âm, gắn trên đế cao su, cách âm dưới đất.

- Thường xuyên kiểm tra định kỳ, đảm bảo các máy bơm luôn trong tình trạng hoạt động tốt, tra dầu nhớt đầy đủ theo đúng hướng dẫn sử dụng của thiết bị.

- Chủ cơ sở cam kết thực hiện các giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đạt quy chuẩn cho phép, không làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

3.7. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

a. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ:

- Giao những nhân công được đào tạo về điện dân dụng, điện máy quản lý, vận hành và sửa chữa hệ thống các thiết bị điện trong toàn khu vực cơ sở.

- Các tủ điện phân phối phải được lắp đặt ở các vị trí khô, thoáng, có nắp hộp bảo vệ, thuận lợi cho việc sửa chữa và xử lý khi gặp sự cố.

- Các thiết bị điện trước khi đấu vào hệ thống điện phải được kiểm tra các thông số kỹ thuật, bảo đảm vận hành an toàn.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường: Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ Ba Mọi.

- Hệ thống các máy phát điện luôn trong trạng thái sẵn sàng hoạt động khi có sự cố mất điện xảy ra.

- Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy cho công trình bao gồm: Hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy nước vách tường, hệ thống chữa cháy bằng các bình chữa cháy xách tay, nút nhấn khẩn, đèn báo cháy và còi báo động....

- Bể chứa nước phòng cháy chữa cháy luôn trong trạng thái đầy nước.

- Thành lập đội phòng cháy chữa cháy của Cơ sở, được huấn luyện để xử lý nhanh khi còi báo động vang lên, đồng thời hợp đồng liên kết với Công an PCCC khi sự cố xảy ra, lực lượng này sẽ đến ngay

b. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố vỡ rò rỉ, vỡ đường ống cấp nước:

- Đường ống dẫn nước phải có đường cách ly an toàn. Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống được ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất. Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.

- Tất cả các đường ống cấp, thoát nước được bố trí trong các hộp kỹ thuật đảm bảo an toàn vận hành và thuận tiện cho quá trình kiểm, tra bảo dưỡng định kỳ.

c. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố sét:

- Tiến hành lắp đặt hệ thống chống sét chung cho toàn khu nhà của Cơ sở.

- Toàn bộ công trình được thiết kế chống sét đánh thẳng. Kim thu sét loại 1 kim có bán kính bảo vệ cấp I là 32 m.

- Kiểm tra định kỳ 2 lần 1 năm trước và sau mùa mưa.

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: phát sinh từ quá trình sinh hoạt (rửa chân tay, vệ sinh, ...) của 10 công nhân tại cơ sở; 100 khách tham quan tại cơ sở.

- Nước thải sản xuất: phát sinh chủ yếu từ quá trình rửa dụng cụ sản xuất, rửa nguyên liệu, rửa sàn...

4.1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa:

Tổng lượng nước thải phát sinh tối đa tại cơ sở khoảng 1,6 m³/ngày tương đương 0,07 m³/giờ. Trong đó:

- Nước thải sinh hoạt: 0,6 m³/ngày tương đương 0,025 m³/giờ;

- Nước thải sản xuất: 1 m³/ngày tương đương 0,042 m³/giờ;

4.1.3. Dòng nước thải:

- Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 03 ngăn → Bể chứa → Nước thải sau xử lý được bơm ra tận dụng trong khuôn viên cơ sở.

- Nước thải sản xuất → Bể 03 ngăn xử lý → Bể chứa → Nước thải sau xử lý được bơm ra tận dụng trong khuôn viên cơ sở.

4.1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm:

- Chất lượng nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt giá trị cột B, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước tận dụng trong khuôn viên cơ sở, cụ thể như sau:

Bảng 5: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn

Stt	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép
01	pH	-	5-9
02	BOD ₅ (20°C)	mg/L	50
03	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	100
04	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	1000
05	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	4.0
06	Amoni (tính theo N)	mg/L	10
07	Nitrat (tính theo N)	mg/L	50
08	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	20
09	Phosphat (tính theo P)	mg/L	10

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường: Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ Ba Mọi.

10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	10
11	Coliforms	MPN/100ml	5.000

- Nước thải sản xuất: Chất lượng nước thải sản xuất được xử lý đạt giá trị cột B, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp cụ thể như sau:

Stt	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép
01	pH	-	5,5 - 9
02	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/L	49
03	COD	mg/L	149
04	Chất rắn lơ lửng	mg/L	99
05	Tổng Nitơ	mg/L	40
06	Tổng photpho	mg/L	6

4.1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

a. Nước thải sinh hoạt:

- Vị trí xả thải: tại ngăn chứa sau xử lý của bể tự hoại 3 ngăn nằm trong khuôn viên dự án.

- Tọa độ: x = 1281451; y = 0576899 (Hệ VN 2000, kinh tuyến trực 108⁰15', múi chiều 3⁰).

- Phương thức xả thải: dùng máy bơm công suất 1 Hp, ống nhựa mềm Φ20mm bơm lên tận dụng trong khuôn viên cơ sở.

- Chế độ xả thải: 5 ngày bơm 1 lần

- Nguồn tiếp nhận nước thải: trong khuôn viên cơ sở.

b. Nước thải sản xuất:

- Vị trí xả thải: Bể chứa.

- Tọa độ vị trí xả nước thải tại bể chứa: x = 1281405; y = 0576896 (Hệ VN 2000, kinh tuyến trực 108⁰15', múi chiều 3⁰).

- Phương thức xả thải: dùng máy bơm công suất 1 Hp, ống nhựa mềm Φ20mm bơm lên tận dụng trong khuôn viên cơ sở.

- Chế độ xả thải: 5 ngày bơm 1 lần.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: trong khuôn viên cơ sở.

Chương V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Căn cứ điểm đ khoản 5 điều 28 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 thì cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc chất thải bổ sung theo khoản 2 điều 20 của thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

Tuy nhiên để đảm bảo công tác vệ sinh môi trường và an toàn trong sản xuất. Cơ sở đã tiến hành thực hiện việc kiểm tra chất lượng 2 nguồn nước thải tại cơ sở. Kết quả như sau:

a. Nước thải sản xuất: được lấy tại bể chứa nước sau các ngăn lắng lọc vào ngày 29/7/2024.

Kết quả phân tích như sau:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích	Giới hạn
01	pH	-	5,7	5,5 - 9
02	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/L	9,7	49
03	COD	mg/L	17,1	149
04	Chất rắn lơ lửng	mg/L	9,3	99
05	Tổng Nitơ	mg/L	KPH	40
06	Tổng phốt pho	mg/L	<0,1	6

Ghi chú:

Ký hiệu: KPH: Không phát hiện.

Nhận xét: Qua kết quả phân tích trên cho thấy nước thải sản xuất của cơ sở có các thông số đều đạt quy chuẩn cho phép khi so sánh với các giới hạn của QCVN 40:2011/BTNMT cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

b. Nước thải sinh hoạt: được lấy tại bể chứa nước sau các ngăn lắng lọc vào ngày 29/7/2024.

Kết quả như sau

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Giá trị giới hạn cho phép
01	pH	-	6,1	5-9
02	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/L	37,8	50

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường: Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ Ba Mọi.

03	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	9,7	100
04	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	KPH	4.0
05	Amoni (tính theo N)	mg/L	<2	10
06	Nitrat (tính theo N)	mg/L	0,34	50
07	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	KPH	20
08	Phosphat (tính theo P)	mg/L	<0,09	10
09	Coliforms	MPN/100ml	230	5.000

Ghi chú:

Ký hiệu: KPH: Không phát hiện.

Nhận xét: Qua kết quả phân tích trên cho thấy nước thải sinh hoạt của cơ sở có các thông số đều đạt quy chuẩn cho phép khi so sánh với các giới hạn của QCVN 14:2008/BTNMT cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

Chương VI CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở đầu tư:

Theo khoản 6 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-BTNMT ngày 10/01/2022 và khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại Cột 3 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Do đó thời gian vận hành thử nghiệm do chủ đầu tư quyết định, tự chịu trách nhiệm nhưng không quá 06 tháng và việc quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở là quan trắc 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm của cơ sở là 3 tháng và kế hoạch quan trắc như sau:

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của cơ sở là 03 tháng, chi tiết như sau:

Bảng 6: Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Stt	Công trình bảo vệ môi trường	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến đạt được
01	Công trình thu gom, xử lý nước thải	4/11/2024	4/12/2024	100%

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

a. Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải trước khi thải ra ngoài môi trường hoặc thải ra ngoài phạm vi của công trình, thiết bị xử lý.

Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy mẫu nước thải trước khi thực hiện việc xả thải ra ngoài môi trường như sau:

Bảng 7: Dự kiến thời gian lấy mẫu

Stt	Công trình bảo vệ môi trường	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Ghi chú
01	Công trình thu gom, xử lý nước thải	4/11/2024	4/12/2024	Quan trắc 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định.

b. Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải (lấy mẫu tổ hợp và mẫu đơn); thời gian, tần suất lấy mẫu phải thực hiện theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định.

Bảng 8: Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu

Stt	Vị trí	Thông số đánh giá	Thời gian, tần suất
I	Nước thải sinh hoạt		
01	Bể chứa	pH; BOD ₅ (20°C); Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); Amoni (tính theo N); Nitrat (tính theo N); Photphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P); Sunfua (tính theo H ₂ S); Dầu mỡ động thực vật; Coliform.	- Tần suất: 01 mẫu/ngày. - Thời gian: 03 ngày liên tiếp là ngày 4/11/2024, 5/11/2024 và ngày 6/11/2024. - Số mẫu: 03
II	Nước thải sản xuất		
01	Bể chứa nước sau xử lý nước thải sản xuất	pH; BOD ₅ (20°C); COD; Chất rắn lơ lửng; Tổng Nitơ; Tổng photpho	- Tần suất: 01 mẫu/ngày. - Thời gian: 03 ngày liên tiếp là ngày 4/11/2024, 5/11/2024 và ngày 6/11/2024. - Số mẫu: 03

Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch: Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường Ninh Thuận.

6.2. Chương trình quan trắc môi trường.

Chương trình quan trắc môi trường giai đoạn hoạt động:

Cơ sở có lưu lượng nước thải tối đa: 1,6 m³/ngày. Theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ và Phụ lục XXVIII thì Cơ sở không thuộc loại hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II và có lưu lượng nhỏ hơn 500 m³/ngày đêm. Như vậy, căn cứ theo quy định này thì Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ và tự động, liên tục.

Chương VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Cơ sở đưa vào sản xuất từ năm 2007 cho đến nay cơ quan quản lý nhà nước chưa thanh tra, kiểm tra về quá trình hoạt động sản xuất của cơ sở.

Chương VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Xuất phát từ việc nhận thức rằng, các biện pháp giảm thiểu các tác động của Cơ sở tới môi trường đã nêu trong Báo cáo đề xuất này là hoàn toàn khả thi và đảm bảo đầy đủ các quy chuẩn môi trường Việt Nam đã ban hành, cũng như từ việc nhận thức rõ trách nhiệm của mình trong nhiệm vụ bảo vệ môi trường tại khu vực, Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ Ba Mọi cam kết:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

- Đầu tư đầy đủ kinh phí cho công tác bảo vệ môi trường.

- Thực hiện nghiêm chỉnh các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu và các phương án phòng ngừa, ứng cứu sự cố môi trường đã nêu trong Báo cáo đề xuất bảo vệ môi trường nhằm đảm bảo đạt hoàn toàn quy chuẩn môi trường Việt Nam theo quy định, gồm:

- + Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí;
- + Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước thải sinh hoạt;
- + Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn;
- + Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do tiếng ồn, độ rung;

- Chủ đầu tư cam kết nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của: Luật Bảo vệ môi trường; Các văn bản pháp lý khác của Trung ương và địa phương đã ban hành về bảo vệ môi trường có liên quan đến quá trình triển khai và thực hiện cơ sở.